CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0650 3768 780 Fax: 0650 3766 149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **UNI PRESIDENT - TRÀ XANH VỊ LÀI**

2. Thành phần: Nước, đường (4 %), lá trà xanh (0,4 %), lá trà lài (0,14 %), lá trà ô long (0,09 %), chất ổn định (452(i), 450(i), 451(i)), hương liệu (trà xanh, lài) tổng hợp, chất chống oxy hóa (316, 300), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem trên nắp chai hoặc thân chai (năm/ tháng/ ngày).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

  + Đóng chai với thể tích thực ở 20 °C: 500 ml, 1 L hay theo nhu cầu của thị trường.

  + Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 7,5 L (15 chai x 500 ml), 8 L (8 chai x 1 L) hay theo nhu cầu của thị trường.

- Chất liệu bao bì: Chai PET, nắp PE. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên: GUANGZHOU PRESIDENT ENTERPRISES CORP

Địa chỉ: No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City, China.

Xuất xứ: Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: 13-NGK/TBCBD/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

DAI, ZHILIN

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	**UNI PRESIDENT – TRÀ XANH VỊ LÀI**	Số: 13-NGK/TBCBD/2025

BẢN TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	13 – 24	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	3,1 – 5,7	
3	Đường tổng số	g/100 ml	2,9 – 5,4	
4	Chất đạm	g/100 ml	≤ 0,5	
5	Chất béo	g/100 ml	≤ 0,5	
6	Natri	mg/100 ml	≤ 32	

3. Các chỉ tiêu an toàn:

Theo quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
M.S.D.N: 3702023469 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

UNI PRESIDENT - TRÀ XANH VỊ LÀI

Thành phần: Nước, đường (4 %), lá trà xanh (0,4 %), lá trà lài (0,14 %), lá trà ô long (0,09 %), chất ổn định (452(i), 450(i), 451(i)), hương liệu (trà xanh, lài) tổng hợp, chất chống oxy hóa (316, 300), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml:
Năng lượng: 18 kcal Carbohydrat: 4,4 g Đường tổng số: 4,2 g Natri: ≤ 32 mg

Thể tích thực ở 20 °C: 500 ml

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem trên nắp chai hoặc thân chai (năm/tháng/ngày).

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh. Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay hoặc để ngăn mát ở nhiệt độ 0 °C - 6 °C và sử dụng hết trong vòng 12 giờ. Nếu thấy có cặn lắng trong chai, là thành phần lá trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.
- **Hướng dẫn bảo quản**: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhà sản xuất: Guangzhou President Enterprises Corp
Địa chỉ: No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City, China.

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu và phân phối, chịu trách nhiệm hàng hóa: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương
Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Mã số doanh nghiệp: 3702023469
Điện thoại: 0650 3768 780 - Fax: 0650 3766 149

Thông tin cảnh báo: Nếu thấy chai bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

Tự công bố số: 13-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
M.S.D.N: 3702023469 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

UNI PRESIDENT - TRÀ XANH VỊ LÀI

Thành phần: Nước, đường (4 %), lá trà xanh (0,4 %), lá trà lài (0,14 %), lá trà ô long (0,09 %), chất ổn định (452(i), 450(i), 451(i)), hương liệu (trà xanh, lài) tổng hợp, chất chống oxy hóa (316, 300), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml:
Năng lượng: 18 kcal Carbohydrat: 4,4 g Đường tổng số: 4,2 g Natri: ≤ 32 mg

Thể tích thực ở 20 °C: 1 L

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem trên nắp chai hoặc thân chai (năm/tháng/ngày).

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh. Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay hoặc để ngăn mát ở nhiệt độ 0 °C - 6 °C và sử dụng hết trong vòng 12 giờ. Nếu thấy có cặn lắng trong chai, là thành phần lá trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.
- **Hướng dẫn bảo quản**: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhà sản xuất: Guangzhou President Enterprises Corp
Địa chỉ: No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City, China.

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu và phân phối, chịu trách nhiệm hàng hóa: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương
Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Mã số doanh nghiệp: 3702023469
Điện thoại: 0650 3768 780 - Fax: 0650 3766 149

Thông tin cảnh báo: Nếu thấy chai bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

Tự công bố số: 13-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

MNAQ Vietnam Company Limited
Lot #H2 40-42, Bui Quang Trinh Street, Phu An Residence Area,
Hung Phu Ward, Can Tho City | Viet Nam

VLAT 1.1904
ISO/IEC 17025:2017

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ *Số báo cáo*: **25-194750** Revision: 00

Company/ *Công ty:* **CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**
Address/ *Địa chỉ:* Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Report Issued: 06-Aug-2025	MNAQ Reference: 25-194750	Sample(s) Received: 17-Jul-2025 & 19-Jul-2025
Ngày phát hành báo cáo	*Tham chiếu MNAQ*	*Ngày nhận mẫu*

Testing Period/ *Thời gian phân tích*: 22-Jul-2025 to 06-Aug-2025

Results - *Kết quả*

The testing results are valid on the sample(s) as received/ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.*

Customer Sample Name/ *Tên mẫu*: **UNI PRESIDENT - TRÀ XANH VỊ LÀI** Lab ID: 25-194750-1

Sample Description/ *Mô tả mẫu:* Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*
Sample Condition/ *Tình trạng mẫu:* Acceptable/ *Chấp nhận*

Test *Chỉ tiêu*	**Result** *Kết quả*	**Unit** *Đơn vị*	**Method** *Phương pháp phân tích*
Tổng số vi sinh vật hiếu khí/ Total aerobic plate count	<1	cfu/mL	AOAC 990.12
Clostridium Perfringens	<1	cfu/mL	ISO 15213-2:2023
Coliforms	<1	cfu/mL	ISO 4832:2006 (TCVN 6848:2007)
E.coli	<1	cfu/mL	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008)
Streptococci faecal	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-059:2024 (Ref. ISO 7899-2: 2000)
Pseudomonas aeruginosa	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-060:2024 (Ref. ISO 16266: 2006)
Staphylococcus aureus	<1	cfu/mL	AOAC 975.55
Tổng số Nấm men & nấm mốc/ Total Yeasts and Moulds	<1	cfu/mL	ISO 21527-1:2008 (TCVN 8275-1:2010)
Chất béo/ Total Fat	<LOQ=0.3	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Chất đạm/ Protein	<LOQ=0.3	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Năng lượng/ Energy	21	kcal/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)/ Carbohydrate (excluding dietary fiber)	4.78	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)

LOD/ *GHPH:* Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
LOQ/ *GHĐL:* Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
ND/ *KPH:* Not Detected/ *Không phát hiện*
Subcontracted test/ *Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
* ISO 17025 not accredited/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025*
Information provided by clients:company, address, samples names/ *Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu*

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the MNAQ company/ *Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty MNAQ.*
If there are questions or concerns on this report, please contact:
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:
Customer Service/ *Bộ phận chăm sóc khách hàng:*
Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.734.476
Email: customerservices_vietnam@mxnsaq.com

Report No./ *Số báo cáo:* 25-194750

Test ***Chỉ tiêu***	**Result** ***Kết quả***	**Unit** ***Đơn vị***	**Method** ***Phương pháp phân tích***
Đường tổng số/ Total sugars	4.25	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-060: 2023 (Ref. TCVN 4594:1988)
Chì/ Lead (Pb)	<LOQ=0.01	mg/L	AOAC 2013.06
Natri/ Sodium (Na)	14.7	mg/100 mL	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Hàm lượng polyphenol tổng số/ Total polyphenols content [i]	550	mg/L	QTTN/KT3 348:2022 (Ref. TCVN 9745-1:2013)

Remark/ G*hi chú:* Nil/ *Không*

GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0315434057-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MNAQ VIỆT NAM
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HIỆP

BẢN DỊCH

Uni President

Uni President - Trà Xanh Vị Lài

Ít đường

Chiết xuất trà thật

Có chứa polyphenol

Thức uống trà xanh vị lài

Thể tích thực: 500 ml

(Hình ảnh chỉ mang tính tham khảo)

营养成分表

项目	每100毫升	营养素参考值%
能量	68千焦	1%
蛋白质	0克	0%
脂肪	0克	0%
碳水化合物	4.0克	1%
一糖	4.0克	
钠	22毫克	1%

真茶萃取，茶多酚含量不少于550毫克/升，茶叶添加量不少于5克/升

6 925303 721367

- 请置于阴凉干燥无异味处，避免阳光曝晒！
- 本品不宜冷冻，冷藏后饮用风味更佳。开启后请及时饮用或于0~6℃冷藏，并在12小时内饮用完毕！
- 若瓶中有沉淀物，为茶叶成分，请摇匀后饮用！
- 如发现胀瓶，请勿饮用！

Uni President - Trà Xanh

BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Hạng mục	Mỗi 100 ml	NRV%
Năng lượng	68 kJ	1 %
Protein	0 g	0 %
Chất béo	0 g	0 %
Carbohydrat	4.0 g	1 %
Đường	4.0 g	
Natri	22 mg	1 %

Chiết xuất trà thật, hàm lượng polyphenol không ít hơn 550 mg/l, lượng trà thêm vào không ít hơn 5 g/l.

Người đăng ký mã vạch sản phẩm này là Uni President Enterprises (China) Investment Ltd.

*** Vui lòng bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.**
*** Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh.**
*** Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay hoặc để ngăn mát ở nhiệt độ 0 - 6 °C và sử dụng hết trong vòng 12 giờ.**
*** Nếu thấy có cặn lắng trong chai, thành phần là lá trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.**
*** Nếu thấy chai bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.**

BẢN DỊCH

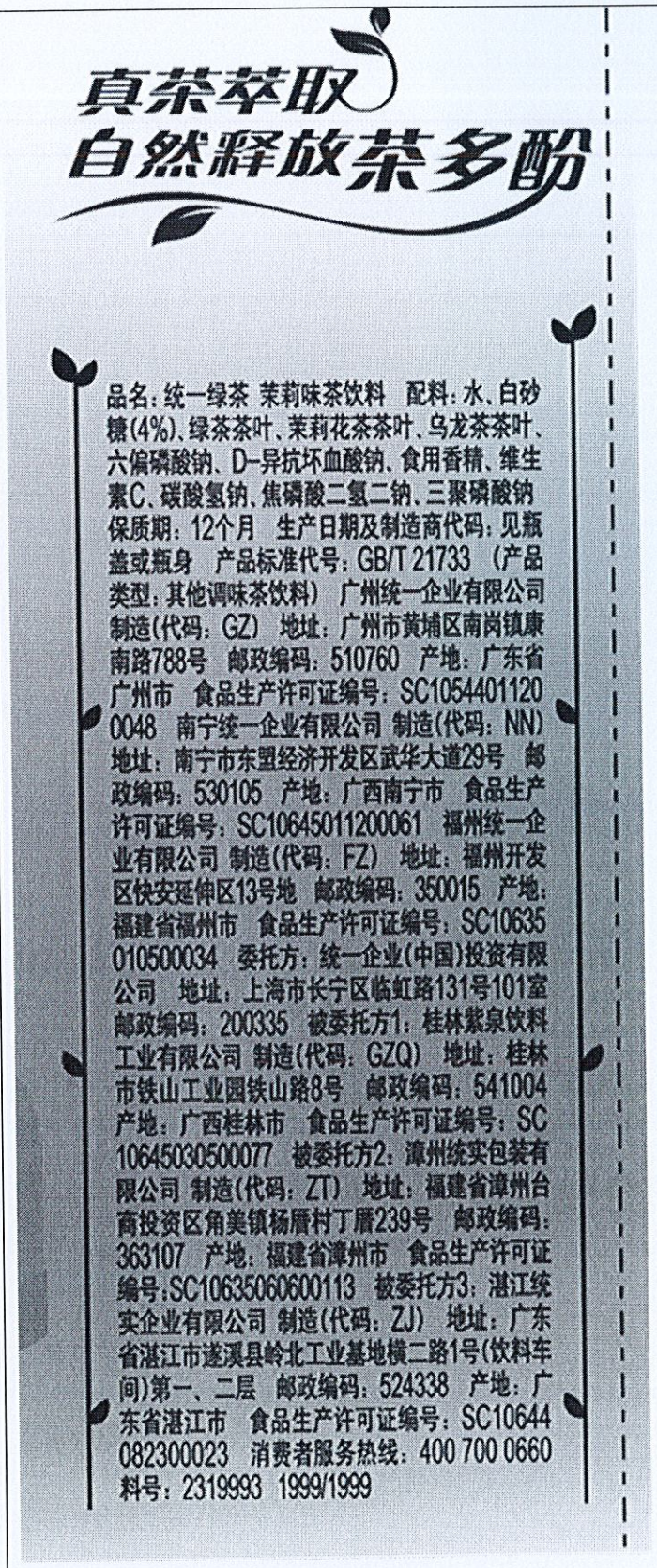

Chiết xuất trà thật, giải phóng polyphenol tự nhiên trong trà.

Tên sản phẩm: Uni President – Trà Xanh Vị Lài
Thức uống trà xanh vị lài

Thành phần: Nước, đường (4 %), lá trà xanh, lá trà lài, lá trà ô long, natri polyphosphat, natri erythorbat, hương liệu thực phẩm, vitamin C, natri hydro carbonat, dinatri diphosphat, pentanatri triphosphat.
Thời hạn sử dụng: 12 tháng.
Ngày sản xuất và mã nhà sản xuất: xem nắp chai hoặc thân chai
Mã tiêu chuẩn sản phẩm: GB/T 21733 (loại sản phẩm: Thức uống trà có hương vị khác)

Guangzhou President Enterprises Corp.
Địa chỉ sản xuất (Mã: GZ): Số 788, đường Khang Nam, thị trấn Nam Cương, quận Hoàng Phố, thành phố Quảng Châu (No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City)
Mã bưu chính: 510760
Nơi xuất xứ: Thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10544011200048

Nanning President Enterprises Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: NN): Số 29, Đại lộ Vũ Hoa, Khu phát triển kinh tế ASEAN, Thành phố Nam Ninh (No. 29, Wuhua Avenue, ASEAN Economic Development Zone, Nanning City)
Mã bưu chính: 530105
Nơi xuất xứ: Thành phố Nam Ninh, Quảng Tây
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10645011200061

FuZhou President Enterprises Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: FZ): Số 13, Khu mở rộng Khoái An, Khu phát triển Phúc Châu (No. 13, Kuaian Extension Zone, Fuzhou Development Zone)
Mã bưu chính: 350015
Nơi xuất xứ: Thành phố Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10635010500034

Bên ủy thác: Uni-President Enterprises (China) Investment Ltd.
Địa chỉ: Phòng 101, số 131 đường Lâm Hồng, khu Trường Ninh, thành phố Thượng Hải (No.131, Linhong Rd, Shanghai Hongqiao LinKong Economic Zone, Changning District, Shanghai City)
Mã bưu chính: 200335

Bên được ủy thác 1: Guilin Ziquan Beverage Industry Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: GZQ): Số 8, Đường Thiết Sơn, Khu công nghiệp Thiết Sơn, Thành phố Quế Lâm (No. 8, Tieshan Road, Tieshan Industrial Park, Guilin City)

BẢN DỊCH

	Mã bưu chính: 541004 Nơi xuất xứ: Thành phố Quế Lâm, Quảng Tây Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC106 45030500077 Bên ủy thác 2: Bên được ủy thác: Zhanjiang Tongshi Enterprise Co., Ltd. Địa chỉ sản xuất (Mã: ZJ): Tầng 1, tầng 2 (xưởng đồ uống), số 1, đường Hằng Nhị, cơ sở công nghiệp Lĩnh Bắc, huyện Toại Khê, thành phố Trạm Giang, tỉnh Quảng Đông (1st and 2nd Floor (Beverage factory) No. 1, Henger Road, Lingbei Industrial Base, Suixi County, Zhanjiang City, Guangdong Province) Mã bưu chính: 524338 Nơi xuất xứ: Thành phố Trạm Giang, tỉnh Quảng Đông Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10644082300023 Đường dây nóng dịch vụ người tiêu dùng: 4007000660 Mã liệu: 2319993 1999/1999

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC DAI ZHI LIN

Đã kí và đóng dấu

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi **Nguyễn Thị Thùy Linh**, Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có trả trị đi lại quốc tế số: 001190001809 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/8/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ **tiếng Trung sang tiếng Việt.**

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI DỊCH

Nguyễn Thị Thùy Linh

Ngày 23 tháng 07 năm 2025 (Ngày hai mươi ba, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng công chứng Trần Quang Sang, TP Hà Nội.

Tôi **Nguyễn Văn Thu**, là công chứng viên Văn phòng công chứng Trần Quang Sang, TP Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông/bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực 438 ; Quyển số 01 – SCT/CKND

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.D.N.C.T.H.D.
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN QUANG SANG
Q.BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Thu

BẢN DỊCH

Uni President

Uni President – Trà Xanh Vị Lài

Ít đường

Chiết xuất trà thật

Có chứa polyphenol

Thức uống trà xanh vị lài

Thể tích thực: 1 L

(Hình ảnh chỉ mang tính tham khảo)

Uni President - Trà Xanh

BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Hạng mục	Mỗi 100 ml	NRV%
Năng lượng	68 kJ	1 %
Protein	0 g	0 %
Chất béo	0 g	0 %
Carbohydrat	4.0 g	1 %
Đường	4.0 g	
Natri	22 mg	1 %

Chiết xuất trà thật, hàm lượng polyphenol không ít hơn 550 mg/l, lượng trà thêm vào không ít hơn 5 g/l.

Người đăng ký mã vạch sản phẩm này là Uni President Enterprises (China) Investment Ltd.

*** Vui lòng bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.**
*** Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh**
*** Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay hoặc để ngăn mát ở nhiệt độ 0 – 6 °C và sử dụng hết trong vòng 12 giờ.**
*** Nếu thấy có cặn lắng trong chai, là thành phần lá trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.**
*** Nếu thấy chai bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.**

BẢN DỊCH

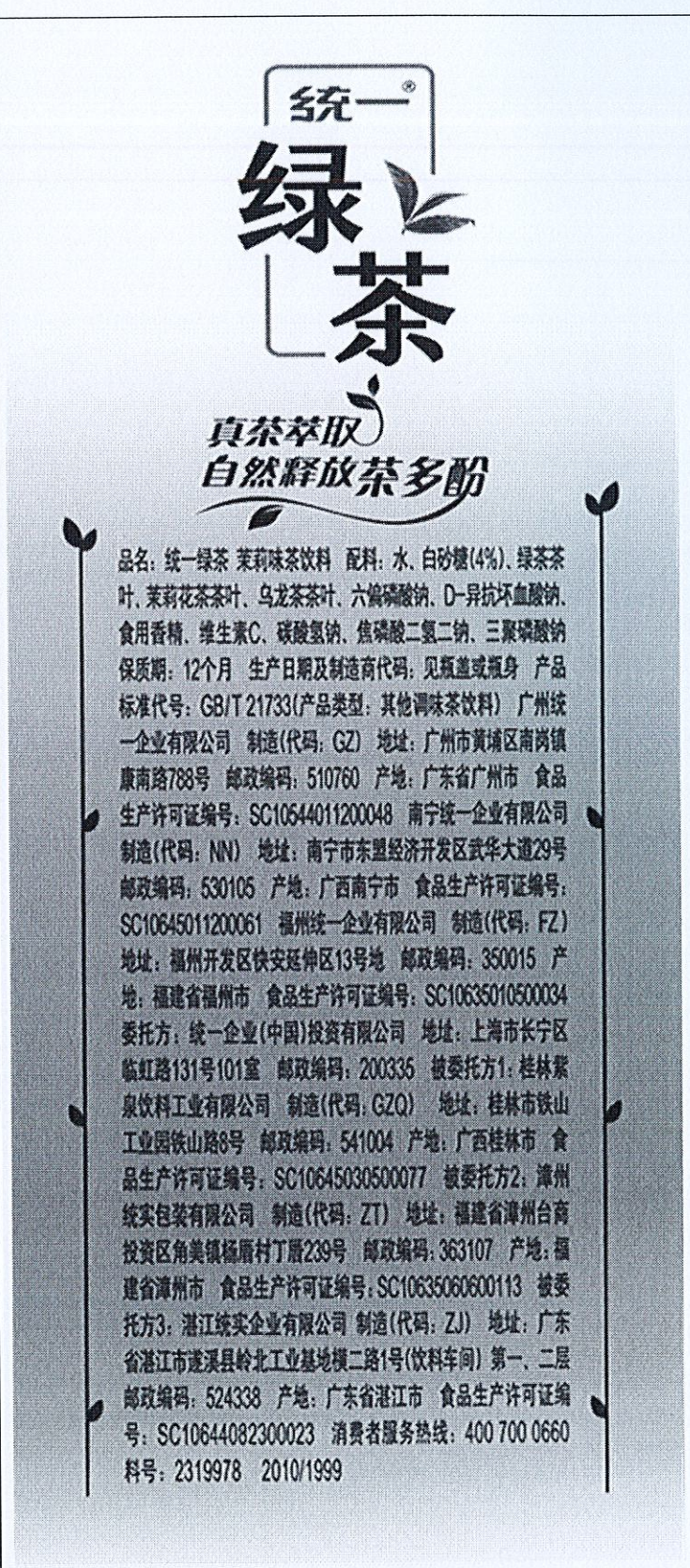

Uni President - Trà Xanh

Chiết xuất trà thật
giải phóng polyphenol tự nhiên trong trà

Tên sản phẩm: Uni President - Trà Xanh Vị Lài
Thức uống trà xanh vị lài
Thành phần: Nước, đường (4 %), lá trà xanh, lá trà lài, lá trà ô long, natri polyphosphat, natri erythorbat, hương liệu thực phẩm, vitamin C, natri hydro carbonat, dinatri diphosphat, pentanatri triphosphat.
Thời hạn sử dụng: 12 tháng.
Ngày sản xuất và mã nhà sản xuất: xem nắp chai hoặc thân chai
Mã tiêu chuẩn sản phẩm: GB/T 21733 (loại sản phẩm: Thức uống trà có hương vị khác)

Guangzhou President Enterprises Corp.
Địa chỉ sản xuất (Mã: GZ): Số 788, đường Khang Nam, thị trấn Nam Cương, quận Hoàng Phố, thành phố Quảng Châu (No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City)
Mã bưu chính: 510760
Nơi xuất xứ: Thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10544011200048

Nanning President Enterprises Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: NN): Số 29, Đại lộ Vũ Hoa, Khu phát triển kinh tế ASEAN, Thành phố Nam Ninh (No. 29, Wuhua Avenue, ASEAN Economic Development Zone, Nanning City)
Mã bưu chính: 530105
Nơi xuất xứ: Thành phố Nam Ninh, Quảng Tây
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10645011200061

FuZhou President Enterprises Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: FZ): Số 13, Khu mở rộng Khoái An, Khu phát triển Phúc Châu (No. 13, Kuaian Extension Zone, Fuzhou Development Zone)
Mã bưu chính: 350015
Nơi xuất xứ: Thành phố Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10635010500034

Bên ủy thác: Uni-President Enterprises (China) Investment Ltd.
Địa chỉ: Phòng 101, số 131 đường Lâm Hồng, khu Trường Ninh, thành phố Thượng Hải (No.131, Linhong Rd, Shanghai Hongqiao LinKong Economic Zone, Changning District, Shanghai City)
Mã bưu chính: 200335
Bên được ủy thác 1: Guilin Ziquan Beverage Industry Co., Ltd.

BẢN DỊCH

	Địa chỉ sản xuất (Mã: GZQ): Số 8, Đường Thiết Sơn, Khu công nghiệp Thiết Sơn, Thành phố Quế Lâm (No. 8, Tieshan Road, Tieshan Industrial Park, Guilin City) Mã bưu chính: 541004 Nơi xuất xứ: Thành phố Quế Lâm, Quảng Tây Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10645030500077 Bên được ủy thác 2: Zhangzhou Tongshi Packaging Co., Ltd. Địa chỉ sản xuất (Mã: ZT): Số 239 Đinh Thố, thôn Dương Thố, thị trấn Giác Mỹ, khu đầu tư Đài Thương Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến (No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Taishang Investment Zone, Zhangzhou, Fujian Province Mã bưu chính: 363107 Nơi xuất xứ: Thành phố Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10635060600113 Bên được ủy thác 3: Zhanjiang Tongshi Enterprise Co., Ltd. Địa chỉ sản xuất (Mã: ZJ): Tầng 1, tầng 2 (xưởng đồ uống), số 1, đường Hằng Nhị, cơ sở công nghiệp Lĩnh Bắc, huyện Toại Khê, thành phố Trạm Giang, tỉnh Quảng Đông (1st and 2nd Floor (Beverage factory) No. 1, Henger Road, Lingbei Industrial Base, Suixi County, Zhanjiang City, Guangdong Province) Mã bưu chính: 524338 Nơi xuất xứ: Thành phố Trạm Giang, tỉnh Quảng Đông Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10644082300023 Đường dây nóng dịch vụ người tiêu dùng: 4007000660 Mã liệu: 2319978 2010/1999

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC DAI ZHI LIN

Đã kí và đóng dấu

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi **Nguyễn Thị Thùy Linh**, Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có trả trị đi lại quốc tế số: 001190001809 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/8/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ **tiếng Trung sang tiếng Việt.**

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI DỊCH

Nguyễn Thị Thùy Linh

Ngày 23 tháng 07 năm 2025 (Ngày hai mươi ba, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng công chứng Trần Quang Sang, TP Hà Nội.

Tôi **Nguyễn Văn Thu**, là công chứng viên Văn phòng công chứng Trần Quang Sang, TP Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông/bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực 438 ; Quyển số 01 – SCT/CKND

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ 194 - C.T.H.P
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN QUANG SANG
Q.BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Thu

确认样	产品名称：HYC-240611047 统一绿茶茉莉味500毫升24普版(热线)(广宁福桂漳湛2319993)40um					单位：海宁长海	调图人	颖灵丽	曲线	15PVC	版厂校对人	客户确认人	扫一扫！
	印刷色“√”表示需改版色		看样次数	制作日期	制作人	条码/比例	1.展开尺寸：228mm 2.标签高度：156mm 3.上下透明边：3mm 4.净含量高度：6.1mm 5.配料等文字高度：≥2mm						
打印比例	PT3435C PT485C PT872C PT360C 专底绿 兰 黄 白1 白2	透明	K1	2024.6.17	华煜威	6925303721367							
100%	以上色标仅供参考，不作印刷色相依据！					85%					⚠请仔细校对尺寸、文字、颜色及排布！		http://www.jylfzb.cn
接稿人：	校对人：	审核人：				首印品控核对人：					江阴利丰制版 JiangYin lifeng gravure plate-making		

注：专色参与层次的，彩稿与实际印刷样会有差异，最终效果应以印刷样为准，爱普生彩稿仅供参考！

确认样	产品名称：HYC-240611051 统一绿茶茉莉味1升24普版(热线)(广宁福桂漳湛2319978)40um	看样次数	制作日期	制作人	条码/比例	单位：海宁长海	Picture √ 曲线 15PVC	版厂校对人	客户确认人	扫一扫！
	印刷色“√”表示需改版色					1.展开尺寸：316mm 2.标签高度：172mm 3.上下透明边：3mm 4.净含量高度：8.1mm 5.配料等文字高度：≥2mm				
打印比例	PT3435C PT485C PT872C PT360C 专底绿 兰 黄 白1 白2 透明	K1	2024.6.17	华煜成	6925303723934			⚠请仔细校对尺寸、文字、颜色及排布！		http://www.jylfzb.cn
100%	以上色标仅供参考，不作印刷色相依据！				90%			江阳利丰制版 LIFENG JiangYin lfeng gravure plate-making		
接稿人：	校对人：	审核人：		首印品控核对人：						

注：专色参与层次的，彩稿与实际印刷样会有差异，最终效果应以印刷样为准，爱普生彩稿仅供参考！

316mm

172mm

3mm

166mm

3mm

86mm 70mm 86mm 70mm

4mm